

Soạn văn lớp 11:

Bài: Thương vợ

Mẫu 1. Soạn văn lớp 11 bài Thương vợ (ngắn gọn)

1.1. Về tác giả, tác phẩm

1.1.1. Trần Tế Xương (1870 – 1907) thường gọi là Tú Xương, quê ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Tú Xương chỉ sống 37 năm và chỉ đỗ tú tài nhưng sự nghiệp thơ ca của ông đã trở thành bất tử.

1.1.2. Thương vợ là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất củ Tú Xương viết về bà Tú.

1.2. Hướng dẫn soạn bài

Câu 1 (trang 30 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

- Hai câu đề kể về công việc làm ăn và gánh nặng mà bà Tú phải đảm đang:

+ Quanh năm: Cách tính thời gian vất vả, triền miên, hết năm này sang năm khác.

+ Mom sông: Địa điểm làm ăn cheo leo, nguy hiểm, không ổn định.

→ Hình ảnh gợi lên hoàn cảnh kiếm sống lam lũ, vất vả với một không gian sinh tồn bấp bênh, khó khăn.

- Hai câu thực đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú:

+ Đảo ngữ “lặn lội” đưa lên đầu câu, dùng “thân cò” thay cho “con cò” nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú.

+ Quãng vắng, đò sông: Không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm.

+ Biện pháp đối: khi quãng vắng >< buổi đò đông.

+ Eo sèo: Gợi cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ.

→ Hai câu thực miêu tả nỗi vất vả, cơ cực, khó khăn của bà Tú.

=> Bốn câu thơ đầu tả cảnh công việc và thân phận của bà Tú, đồng thời cho ta thấy tấm lòng xót thương của Tú Xương.

Câu 2 (trang 30 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

- Vẻ đẹp của bà Tú trước hết được cảm nhận ở sự đảm đang, tháo vát, chu toàn với chồng con:

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Từ “đủ” trong “nuôi đủ” vừa nói về số lượng, vừa nói chất lượng. Câu thơ chia làm hai vế thì vế bên này (một chồng) lại cân xứng với tất cả gánh nặng ở vế bên kia (năm con). Câu thơ nén một nỗi xót xa, cay đắng.

- Ở bà Tú sự đảm đang, tháo vát còn đi liền với đức hi sinh:

Năm nắng mười mưa chẳng quản công

Thành ngữ “năm nắng mười mưa” chỉ sự gian lao, vất vả nay được Tú Xương dùng để làm nổi bật đức tính chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng, vì con của bà Tú.

Câu 3 (trang 30 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Hai câu kết Tú Xương tự “chửi” mình vì chính ông là nguyên nhân gây nên nỗi khổ của vợ. Câu thơ còn là tiếng “chửi” của Tú Xương đối với xã hội, chửi cái thói đòi đều cái, bạc bẽo để cho người vợ vất vả và chính xã hội biến mình thành ông chồng vô tích sự.

=> Lời chửi trong tâm khảm của sự yêu thương và có cả ngậm ngùi, chua xót.

Câu 4 (trang 30 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Bài thơ thương vợ dựng lên hai bức chân dung: Bức chân dung hiện thực của bà Tú và bức chân dung tinh thần của Tú Xương. Trong bài thơ, ông Tú không xuất hiện trực tiếp nhưng vẫn biểu hiện trong từng câu thơ. Đó là một tấm lòng yêu thương, biết ơn đối với người vợ.

Yêu thương, quý trọng, biết ơn với vợ là những điều làm nên cốt cách của Tú Xương. Hơn nữa, trong xã hội trọng nam khinh nữ, việc một nhà nho như Tú Xương không những nhận ra sự vô dụng của mình mà còn trách bản thân một cách thẳng thắn.

=> Nhân cách của Tú Xương chân thật, cao đẹp.

1.3. Luyện tập

(trang 30 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1): Phân tích sự vận dụng ...

Thương vợ là một trong những bài thơ mà Tú Xương vận dụng một cách rất sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian.

- Về hình ảnh: Trong ca dao, hình ảnh con cò mang nhiều nét nghĩa. Có khi nó được dùng để nói về thân phận của người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó (Con cò lặn lội bờ sông – Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non). Có khi lại tượng trưng cho thân phận người lao động lam lũ, vất vả (Con cò mà đi ăn đêm – Đâu phải cảnh mềm lộn cổ xuống ao). Như vậy, con cò trong ca dao vốn đã gợi nhiều cay đắng, xót xa. Song, khi ứng vào một thân phận cụ thể như trong bài thơ Thương vợ của Tú Xương, càng gợi lên sự xót xa, tội nghiệp. Hơn nữa, Tú Xương lại dùng cách nói “thân cò” càng để nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú.

- Vận dụng từ ngữ: Đáng chú ý nhất là thành ngữ “năm nắng mười mưa” được vận dụng một cách sáng tạo. Cụm từ “năm nắng” chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với “nắng mưa” tạo nên một thành ngữ chéo. Qua đó, nói lên sự vất vả, gian lao đồng thời thể hiện được đức tính chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng, vì con của bà Tú.

Mẫu 2. Soạn văn lớp 11 bài Thương vợ (ngắn gọn)

Bố cục

- Có thể chia thành: Đề, thực, luận, kết

- Hoặc chia như sau:

+ 6 câu thơ đầu: Hình ảnh bà Tú

+ 2 câu cuối: Nỗi lòng của tác giả

2.1. Câu 1 (trang 30 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

Hình ảnh bà Tú qua bốn câu thơ đầu

- Côn việc: Buôn bán

- Địa điểm: ở mom sông

- “Quanh năm”: Suốt cả năm, từ năm nay đến năm khác, không trừ ngày nào, dù mưa hay nắng.
 - Hình ảnh ẩn dụ “thân cò”, trong không gian thời gian “khi quăng vẳng”, tính chất công việc “lặn lội”: Gọi nên không gian heo hút, rợn ngợp, chứa đầy âu lo, nguy hiểm và nổi vất vả đơn chiếc của bà Tú.
 - Từ “eo sèo”, “đò đong” gợi cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người bán hàng nhỏ. Sự cạnh tranh đến mức sát phạt nhau, lời qua tiếng lại với nhau. Hình ảnh “đò đong” còn ẩn chứa những sự bất trắc không ngờ.
- ⇒ Hoàn cảnh kiếm sống lam lũ, vất vả với một không gian sinh tồn bấp bênh, khó khăn. Sự vất vả, đơn chiếc, bươn trải trong cảnh chen chúc làm ăn của bà Tú

2.2. Câu 2 (trang 30 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

Đức tính cao đẹp của bà Tú

- Bà Tú là người đảm đang tháo vát, chu đáo với chồng con “Nuôi đủ năm con với một chồng”
- Bà Tú là người giàu đức hi sinh, chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con: “Năm nắng mười mưa dám quản công”

2.3. Câu 3 (trang 30 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

- Lời chửi trong hai câu cuối là lời của nhà thơ Tú Xương
- Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thâm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú Xương dám thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp

2.4. Câu 4 (trang 30 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

Nỗi lòng của nhà thơ

- Tình cảm yêu thương, quý trọng những nổi vất vả, hi sinh của người vợ dành cho mình

- Tự trách mình là một người chồng nhưng lại “ăn lương vợ”. Trong câu “nuôi đủ năm con với một chồng” cho thấy người không khác gì một đứa con dại, vẫn phải nuôi lớn, chăm nom.
- Lời chửi trong hai câu kết là Tú Xương đang tự chửi mát mình nhưng lại mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Ông chửi “thói đời”, đã khiến bà Tú phải khổ. Từ đó cho thấy tình cảm sâu nặng của ông với người vợ của mình

2.5. Luyện tập (trang 30 sgk Ngữ văn 11 Tập 1)

- Về hình ảnh: Tú Xương đã vận dụng hình ảnh “con cò” trong ca dao thành hình ảnh “thân cò” có phần xót xa, tội nghiệp hơn. Hình ảnh “thân cò” còn có tác dụng nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú và nỗi đau thân phận.
- Về từ ngữ: thành ngữ "năm nắng mười mưa" được vận dụng một cách rất sáng tạo. Cụm từ "nắng mưa" chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với "nắng, mưa" tạo nên một thành ngữ chéo. Hiệu quả của nó vừa nói lên sự vất vả, gian lao, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con của bà Tú.

Mẫu 3. Soạn văn lớp 11 bài Thương vợ (ngắn gọn)

3.1. Hướng dẫn

Trả lời câu 1 (trang 30 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

Hình ảnh bà Tú vất vả, gian truân mưu sinh qua bốn câu thơ đầu:

- Hoàn cảnh làm ăn vất vả, lam lũ
- + Quanh năm: suốt năm này qua năm khác, triền miên, không ngơi nghỉ ngày nào.
- + Mom sông: nơi gọi cảm giác chên vênh, thiếu an toàn.
- + Công việc buôn bán nhọc nhằn, tất bật, vất vả, mưu sinh qua ngày.
- Thân phận: thân cò vừa gọi sự đơn chiếc, vừa gọi nỗi đau, nỗi thiệt thòi của một thân phận bé nhỏ, lam lũ.
- Từ láy lộn lộn và eo sèo gọi cảnh chen chúc, vật lộn, bươn chải trên sông nước của những người buôn bán nhỏ.

- Cách nói khi quăng văng, buổi đờ đờ vừa gợi không gian, vừa gợi thời gian nhiều lo âu, rủi ro, bất trắc.

Trả lời câu 2 (trang 30 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

Phân tích những câu thơ nói lên đức tính cao đẹp của bà Tú:

- Nuôi đủ năm con với một chồng: bà là người đảm đang, tháo vát, chu đáo với chồng con.

- Một duyên hai nợ âu đành phận / Năm nắng mười mưa dám quản công: bà là người chịu thương chịu khó, nhẫn nại, khiêm nhường, giàu đức hi sinh.

- Lặn lội thân cò khi quãng vắng: chịu thương, chịu khó, tần tảo sớm hôm.

Trả lời câu 3 (trang 30 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

Lời chửi trong hai câu thơ cuối:

- Tự chửi bản thân vì là gánh nặng cho vợ mình: Cha mẹ thói đời ăn ở bạc.

- Tự phán xét, tự lên án chính mình: Có chồng hờ hững cũng như không.

- Sâu xa hơn, lời tự chửi của Tú Xương còn có ý nghĩa xã hội, lên án thói đời bạc bẽo, một nguyên nhân sâu xa đây. ông vào cảnh vô dụng và đẩy bà vào nỗi khổ sở triền miên.

Trả lời câu 4 (trang 30 SGK Ngữ văn 11 tập 1):

Nỗi thương vợ của Tú Xương:

- Tấm lòng chân thành yêu thương, trân trọng và cao hơn là cảm khái, tri ân vợ: Nuôi đủ năm con với một chồng.

- Tự trách mình, tự phán xét lên án bản thân vô tích sự, không đỡ đần được gánh nặng cuộc sống với vợ.

3.2. Luyện tập**Câu hỏi (trang 30 SGK Ngữ văn 11 tập 1)**

Sự vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian:

- Hình ảnh con cò: biểu tượng cho những số phận nhỏ bé, vất vả, phải chịu kiếp sống truân chuyên, trắc trở.

=> Mượn hình ảnh con cò, hình ảnh quen thuộc trong ca dao để chỉ người vợ của mình.

- Thành ngữ “một duyên hai nợ”, “năm nắng mười mưa”

+ Một duyên hai nợ: Lời than vãn số phận bất công thay cho vợ mình của nhà thơ.

+ Năm nắng mười mưa: Khắc họa dáng vẻ tảo tần, phẩm chất chịu thương chịu khó của bà Tú.

3.3. Bố cục

Bố cục: 2 phần

- Phần 1 (sáu câu thơ đầu): Hình ảnh bà Tú

- Phần 2 (hai câu thơ còn lại): Lời tự trách, tự giễu của nhà thơ.

3.4. Nội dung chính

- Hình ảnh bà Tú vất vả, tảo tần, giàu đức hi sinh

- Tình cảm thương yêu, quý trọng vợ của Tú Xương
